

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÁP LÝ TÙNG ĐẠT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÁP LÝ TÙNG ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUNG DAT LEGAL SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TUNG DAT SJC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109265501

3. Ngày thành lập: 15/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 05, xóm Đình, thôn Cổ Diễn A., Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0357750310

Fax:

Email: phaplytungdat@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
8.	In ấn	1811
9.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
10.	Phá dỡ	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy lạnh, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) và trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải	4322
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
17.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

18.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4513
19.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá	4530
21.	Bán mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4541
22.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4542
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá	4543
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại trừ kinh doanh vàng miếng	4662
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
32.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh trừ thuốc lá ngoại	4724
33.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
35.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
36.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
37.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
38.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
39.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn;	4789

40.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) trừ vận tải bằng xe buýt	4931
41.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trừ kinh doanh kho bãi	5210
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : khách sạn , biệt thự du lịch , căn hộ du lịch , nhà nghỉ du lịch nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
46.	Dịch vụ phục vụ đồ uống trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ	5630
47.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn luật, hoạt động của công ty luật, hoạt động của văn phòng luật sư, tư vấn kế toán, tài chính, thuế, chứng khoán và các hoạt động tư vấn khác mà theo qui định pháp luật cấm hoặc hạn chế kinh doanh)	6619
48.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
49.	Hoạt động tư vấn quản lý trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật	7020
50.	Quảng cáo	7310
51.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
55.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn , giới thiệu và môi giới lao động , việc làm	7810
56.	Đại lý du lịch	7911
57.	Điều hành tua du lịch	7912
58.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
59.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
60.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh	8230

62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
63.	Giáo dục nhà trẻ	8511
64.	Giáo dục mẫu giáo	8512
65.	Giáo dục tiểu học	8521
66.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
67.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
68.	Đào tạo sơ cấp	8531
69.	Đào tạo trung cấp không hoạt động tại trụ sở	8532
70.	Đào tạo cao đẳng không hoạt động tại trụ sở	8533
71.	Đào tạo đại học không hoạt động tại trụ sở	8541
72.	Giáo dục thể thao và giải trí trừ hoạt động của các sàn nhảy	8551
73.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật trừ hoạt động của các sàn nhảy	8552
74.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng , các dịch vụ dạy kèm (gia sư) , giáo dục dự bị , dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại , đào tạo kỹ năng nói trước công chúng , đào tạo các kỹ năng quản trị.	8559(Chính)
75.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet trừ hoạt động đấu giá	4791

6. Vốn điều lệ: 50.000.000 VNĐ

Năm mươi triệu đồng chẵn

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TÚ ANH	Số 05, Xóm Đình, Thôn Cổ Diên A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25	2.500.000	5,000	00119601304	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25	2.500.000	5,000		
2	VŨ THÀNH ĐẠT	Xóm 4, Xã Hải Lộc, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	205	20.500.000	41,000	163383180	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	205	20.500.000	41,000		

